

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 43 /2019/HS-ST

Ngày: 22 -7 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C; sinh ngày 03 tháng 3 năm 1984 tại Quảng Bình. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 3 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1957; con bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1959; có vợ: Trần Thị H, sinh năm 1987, có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Học đến lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà lao động. Năm 2012 lập gia đình và vào Thành phố Hồ Chí Minh lao động kiếm sống. Ngày 07/01/2019 từ thành phố Hồ Chí Minh về Quảng Bình. Ngày 08/01/2019 thì thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố Đ, Quảng Bình. Sau đó bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 04/4/2019 ra đầu thú. Bị cáo bị bắt tạm

giam theo lệnh bắt tạm giam của Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Đồng Hới từ ngày 28/5/2019 tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đồng Hới. Có mặt.

2. Lê T; sinh ngày 10 tháng 4 năm 1977 tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn 3 T, Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê X (Đã chết) con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1939; hiện sống tại Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 làm công nhân hiện trú tại thành phố Hồ Chí Minh, có 02 người con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Học đến lớp 7/12 thì nghỉ học ở nhà. Lập gia đình cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Lê Văn H; sinh ngày 12 tháng 3 năm 2001 tại Quảng Bình. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 1 T, Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quốc V, sinh năm 1970; con bà Trần Thị T, sinh năm: 1973; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn H có ông: Lê Quốc V (bố) sinh 1970 và mẹ Trần Thị T (mẹ); sinh 1973; địa chỉ: Thôn 1 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Ông V vắng mặt, bà T có mặt.

- Bị hại:

Ông Nguyễn Thanh C, sinh ngày 05/10/1972; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H là người thuộc đối tượng bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Ông Hoàng Minh T là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h ngày 08/01/2019, Trần Văn C mang theo vạm phá khoá rồi rủ Lê T bắt xe khách vào Đồng Hới để trộm cắp xe mô tô. C nói: “nếu trộm được xe câu đưa xe vào thành phố Hồ Chí Minh rồi để cháu lo”; T hỏi có thêm ai nữa không, C điện thoại rủ Lê Văn H cùng tham gia. H đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán nước đối diện bến xe N, thành phố Đ. Tại đây, C đưa cho H chiếc vạm phá khoá, hướng dẫn H cách sử dụng và nói với H lấy trộm được đưa xe cho T vào thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Bàn bạc xong, C và H gọi xe Taxi đến quán trước cổng Ga Đ để thuê xe mô tô chở nhau đi cầm cố một số tài sản cá nhân, lấy 1.500.000 đồng, C đưa cho H 1.300.000 đồng để H đưa cho T làm lộ phí khi đi tiêu

thụ. Sau đó, C và T thay nhau chở H đi tìm xe mô tô để lấy trộm nhưng không có, cả ba thông nhất thuê nhà nghỉ ở đường Hoàng D, thuộc TDP 4 N, Đ nghỉ lại, tối đi tìm xe mô tô để lấy trộm.

Đến khoảng 19h00 cùng ngày, H đi ra ngoài uống nước, C bảo H cầm theo vạm phá khoá, nếu có xe lấy trộm luôn. Khi đến nhà anh Lê Thanh C ở số nhà 06, ngõ 16 đường H thuộc TDP 4, N quan sát trong sân nhà có một xe mô tô nhãn hiệu HONA – AIRBLADE, biển kiểm soát 73F1- 015.05, H đi vào dùng vạm bẻ khoá điện điều khiển xe chạy đến đường Phạm Văn Đ gọi điện thoại cho C nói: “Em lấy được xe rồi anh ra mà lấy xe”. Khoảng 10 phút sau C điều khiển xe mô tô chở T đến gặp H, C bảo H đưa xe mô tô lấy trộm được và số tiền 1.300.000 đồng cho T để T đưa vào thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Khi T điều khiển xe mô tô đến đường Q, thuộc phường P, Thành phố Đ thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ kiểm tra hành chính và tạm giữ phương tiện, đưa về trụ sở Công an thành phố Đ điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các đối tượng.

Kết luận định giá số 41/KL-ĐG ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định xe mô tô nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, màu trắng - đỏ - đen, BKS 73 F1- 015.05 trị giá 18.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại cho anh Lê Thanh C 01 xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 73F1- 150.15. Anh C không có yêu cầu bồi thường gì thêm .

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSDH –KT ngày 05 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đ để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã phát biểu lời luận tội và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi áp dụng hình phạt. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm o Khoản 1 Điều 52 Điều 38 Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Trần Đình C từ 15 đến 21 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Lê T từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17 Điều 38 Điều 91 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Lê Văn H từ 06 đến 09 tháng tù.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn H: Tại phiên tòa hôm nay ông Hoàng Minh T là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình cũng nhất trí về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố hiện nay

Hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội cần phải trừng trị thích đáng, nhưng mong Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người khi phạm tội dưới 18 tuổi nên suy nghĩ, nhận thức còn rất hạn chế. Chỉ vì một phút nông nổi mà hôm nay, bị cáo phải đối diện với sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật. Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 54; Khoản 3 Điều 98; Điều 100 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ từ 09 tháng đến 12 tháng nhằm tạo cơ hội cho bị cáo có cơ hội sớm tái hòa nhập cộng đồng, cải tạo để chuộc lại lỗi lầm đã gây ra.

Đôi đáp đại diện VKS: Việc áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm i không thể áp dụng cho bị cáo vì ngày 01/01/2019 Nguyễn Văn H có hành vi Trộm cắp tài sản xảy ra tại huyện T, tỉnh Quảng Bình và đã có Quyết định khởi tố vụ án Hình sự, khởi tố bị can ngày 05/3/2019 nên không thể áp dụng tình tiết là phạm tội lần đầu cho bị cáo. Chỉ áp dụng cho bị cáo hưởng Điểm s Khoản 1 Điều 51 là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin bãi nại quy định tại Khoản 2 Điều 51. VKS vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H khai nhận việc thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định :

Trần Văn C, Lê T và Lê Văn H lợi dụng sự sơ hở của người khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một xe mô tô hiệu AIRBLADE, BKS 73F1- 150.15 trị giá 18.000.000 đồng của anh Lê Thanh C. Trong vụ án này Trần Văn C là người chủ mưu, khởi xướng việc thực hiện tội phạm; Lê T và Lê Văn H là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị can là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Trần Văn C, Lê T và Lê Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo quen biết nhau rủ rê cùng thực hiện tội phạm, có sự phân công nhiệm vụ của từng bị cáo, có bàn bạc, khi thực hiện một tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả, thực hiện đến cùng hành vi trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu nên đòi hỏi phải có hình phạt nghiêm khắc để xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Để đánh giá tính chất từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Trần Văn C là người trưởng thành, có trình độ nhận thức về xã hội, bị cáo đã có vợ con đáng lẽ ra bị cáo là một người cha tốt để các con noi theo. Thế nhưng, bị cáo C không những không chịu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, chăm chỉ lao động để nuôi sống bản thân và gia đình. Ngược lại vì nhu cầu ích kỷ cá nhân, bản tính lười lao động, bị cáo C cùng hai bị cáo T, H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét vai trò trong vụ án, bị cáo C còn phải chịu trách nhiệm chính, là người khởi xướng trong vụ án và trực tiếp cù rủ, chuẩn bị công cụ phạm tội, nên cần mức án áp dụng cao hơn hai bị cáo T, H. Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê T cũng là người trưởng thành có đủ sức khỏe, nhận thức về pháp luật, bị cáo là người lớn tuổi nhất, đáng lẽ ra khi nghe bị cáo C cù rủ thì T là người lớn tuổi nhất phải khuyên đồng bọn, nhưng mà ngược lại, cũng với bản tính lười

lao động, thích hưởng thụ, để đáp ứng nhu cầu của bản thân, bị cáo không làm điều đó mà khi nghe C cù rử thì T đồng ý ngay và tìm mọi cách để thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo biết đây là việc làm vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình cùng các bị cáo thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội.

Đối với Lê Văn H là người nhỏ tuổi nhất trong các bị cáo, khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 09 tháng 25 ngày, đối với bị cáo ở lứa tuổi này cần phải học tập để có ích cho xã hội, nhưng bị cáo đã bỏ học và chơi lêu lổng. Mặc dù nhỏ tuổi nhưng khi nghe bị cáo C cù rử thì đồng ý ngay và thể hiện một cách quyết liệt. Chính bị cáo là người trực tiếp dùng vạm phá khóa để mở khóa xe máy, sau đó điện thoại cho đồng bọn để đưa xe máy đi tiêu thụ. Trước đó ngày 01/01/2019 Nguyễn Văn H có hành vi Trộm cắp tài sản xảy ra tại huyện T, tỉnh Quảng Bình và đã có Quyết định khởi tố vụ án Hình sự, khởi tố bị can ngày 05/3/2019 đến ngày 08/01/2019 bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Hội đồng xét thấy rằng khi tại phiên tòa bị cáo đã trên 18 tuổi. Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Trần Văn C đã có hành vi xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Các bị cáo Lê T, Lê Văn H không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình cũng xem xét cho các bị cáo một số tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H đã có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, C, T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn bãi nại, C có thêm tình tiết giảm nhẹ tại Điểm b Khoản 1 Điều 51 BLHS là đã khắc phục bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại cho bị hại là anh Lê Thanh C 01 xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 73F1- 150.15. Sau khi nhận xe máy anh C có yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, gia đình C đã bồi thường đầy đủ. Anh C nhận và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[8] Án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn C, Lê T, Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s, i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm o Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt giam 28/5/2019

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn C 45 ngày theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s, i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê T 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt giam thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 91 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015:

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt giam thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/7/2019). Đối với bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ